

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.025  
Tên mẫu /Sample: Nước Sinh Hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Châu Hưng  
Địa chỉ / address: xã Châu Hưng, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,3                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 7,06                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,63                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,59                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thư*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

**KT Giám đốc / Director**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.026  
Tên mẫu / Sample: Nước Sinh Hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng / Client: Trạm cấp nước Châu Hưng  
Địa chỉ / address: xã Châu Hưng, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu / Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐

**Kết quả thử nghiệm / Test result**

| ST<br>T | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|---------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1       | pH                             | -                             | 7,3                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2       | Màu sắc                        | TCU                           | 7,06                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3       | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4       | Độ đục                         | NTU                           | 0,61                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5       | Clo dư                         | mg/L                          | 0,38                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6       | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7       | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thư L*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director



*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.027  
Tên mẫu /Sample: Nước Sinh Hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Châu Hưng  
Địa chỉ / address: xã Châu Hưng, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| ST<br>T | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|---------|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1       | pH                             | -                             | 7,3                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2       | Màu sắc                        | TCU                           | 7,06                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3       | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4       | Độ đục                         | NTU                           | 0,59                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5       | Clo dư                         | mg/L                          | 0,21                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6       | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7       | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

*Thư L*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.040  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Kiết Lập A  
Địa chỉ / address: ấp Kiết Lập A, xã Tuấn Túc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,9                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,46                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,52                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,61                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03



*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.041  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Kiết Lập A  
Địa chỉ / address: ấp Kiết Lập A, xã Tuấn Tức, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,9                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,46                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,50                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,37                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thư*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Thư*  
*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.042  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Kiết Lập A  
Địa chỉ / address: ấp Kiết Lập A, xã Tuấn Túc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,9                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,46                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,48                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,20                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Trương Văn Khải**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.037  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Lâm Kiết  
Địa chỉ / address: xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

**Kết quả thử nghiệm / Test result**

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,5                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,76                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,64                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,60                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

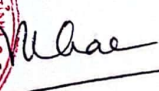
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÒNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Trương Văn Khải**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.038  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Lâm Kiết  
Địa chỉ / address: xã Lâm Kiết, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,5                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,76                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,62                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,37                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thư*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÒNG GIÁM ĐỐC**  
*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.039  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Lâm Kiết  
Địa chỉ / address: xã Lâm Kiết, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 6,5                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,76                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,60                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,20                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.043  
Tên mẫu /Sample: Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Rẫy Mới  
Địa chỉ / address: ấp Rẫy Mới, xã Thanh Tân, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,2                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,14                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,59                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,54                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

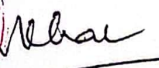
- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT. Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Trương Văn Khải**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.044  
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Rẫy Mới  
Địa chỉ / address: ấp Rẫy Mới, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,2                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,14                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,57                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,35                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

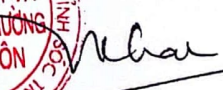
- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Trương Văn Khải**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.045  
Tên mẫu /Sample: Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Rẫy Mới  
Địa chỉ / address: ấp Rẫy Mới, xã Thanh Tân, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,2                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,14                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,55                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,20                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thal*

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

**KT Giám đốc / Director**



*Trương Văn Khải*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.031  
Tên mẫu /Sample: Nước Sinh Hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thạnh Tân  
Địa chỉ / address: xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/5/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐

**Kết quả thử nghiệm / Test result**

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,2                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,03                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,22                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,63                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CLO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

**KT Giám đốc / Director**



*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.032  
Tên mẫu /Sample: Nước Sinh Hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thạnh Tân  
Địa chỉ / address: xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,2                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,03                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,20                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,40                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
  
  
**Trương Văn Khải**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.033  
Tên mẫu /Sample: Nước Sinh Hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thạnh Tân  
Địa chỉ / address: xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn theo<br>QCVN 01-<br>1:2018/BYT | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,2                    | 6-8,5                                   | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 4,03                   | 15                                      | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ                   | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,19                   | 2                                       | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,22                   | 0,2-1,0                                 | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                                      | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

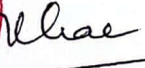
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÒNG GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Trương Văn Khải**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.028  
Tên mẫu /Sample: Nước Sinh Hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Tuấn Túc  
Địa chỉ / address: xã Tuấn Túc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐

**Kết quả thử nghiệm / Test result**

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,1                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,20                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,45                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,58                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thư*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.029  
Tên mẫu /Sample: Nước Sinh Hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Tuấn Tức  
Địa chỉ / address: xã Tuấn Tức, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,1                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,20                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,43                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,37                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thư*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**Kiểm soát / Director**  
**PHÒNG GIÁM ĐỐC**  
  
*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.030  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Tuần Túc  
Địa chỉ / address: xã Tuần Túc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,1                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,20                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,41                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,20                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

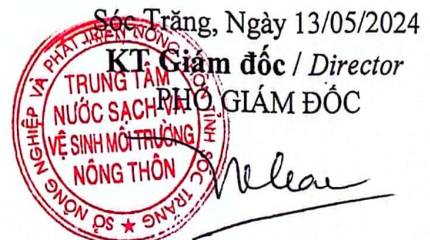
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03



*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.034  
Tên mẫu /Sample: Nước Sinh Hoạt (Đầu nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Vĩnh Lợi  
Địa chỉ / address: xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,0                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,15                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,33                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,60                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**  
Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262 **Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
  
**Trương Văn Khải**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.035  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Trên tuyến ống mạng)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Vĩnh Lợi  
Địa chỉ / address: xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

**Kết quả thử nghiệm / Test result**

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,0                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,15                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,31                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,39                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-CIO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thư L*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Trương Văn Khải*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG  
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

**PHIẾU KẾT QUẢ**  
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.036  
Tên mẫu /Sample : Nước Sinh Hoạt (Cuối nguồn)  
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Vĩnh Lợi  
Địa chỉ / address: xã Vĩnh Lợi, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng  
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024  
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024  
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong  
Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml  
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024  
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐  
Kết quả thử nghiệm / Test result

| STT | Tên chỉ tiêu<br>Specifications | Đơn vị tính<br>Measuring Unit | Kết quả<br>Test Result | Giới hạn<br>theo QCVN<br>01- | Phương pháp<br>Test Method             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| 1   | pH                             | -                             | 7,0                    | 6-8,5                        | TCVN 6492:2011(*)                      |
| 2   | Màu sắc                        | TCU                           | 3,15                   | 15                           | SMEWW 2120C: 2012 (*)                  |
| 3   | Mùi vị                         | -                             | Không có<br>mùi vị lạ  | Không có<br>mùi vị lạ        | TCVN 2653:1978 (*)                     |
| 4   | Độ đục                         | NTU                           | 0,29                   | 2                            | TCVN 6184:2008 (*)                     |
| 5   | Clo dư                         | mg/L                          | 0,20                   | 0,2-1,0                      | SMEWW 4500-ClO <sub>2</sub> -B:2012(*) |
| 6   | Coliform                       | CFU/100ml                     | KPH                    | <3                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |
| 7   | E.coli                         | CFU/100ml                     | KPH                    | <1                           | TCVN 6187-2:1996 (*)                   |

(\*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: Không Phát hiện

**Phòng thử nghiệm**

Officer in charge of laboratory

*Thvl*

Mai Thị Bảo Cúc

**Ghi chú:**

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

**Địa chỉ:** 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

**Điện thoại:** 02993822262

**Fax:** 02993822262

**BM.06.07 – LBH : 03**

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024  
**KT Giám đốc / Director**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Trương Văn Khải*